TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2025/DS-PT
Ngày: 24-11-2025
V/v "*Tranh chấp chia di sản thừa kế, chia tài sản chung sau ly hôn, huỷ quyết định cá biệt*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Ngọc Dung
Ông Lê Văn Thường

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lưu Thị Hưởng - Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2025/TLPT-DS ngày 01/10/2025 về "*Tranh chấp chia di sản thừa kế, chia tài sản chung sau ly hôn, huỷ quyết định cá biệt*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 13-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110A/2025/QĐ-PT ngày 11/11/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Quốc T, sinh năm 1973; địa chỉ: tổ E, phường Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên toà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Ngô Lê Khánh N, Công ty L và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: 1 Bà T, phường V, thành phố H, có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Ông Ngô Quốc T1, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn N, phường Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên toà.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q, tỉnh Quảng Trị (là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị), vắng mặt.

3.2. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ D, phường Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên toà.

3.3. Anh Ngô Quốc H, sinh năm 1991; địa chỉ: phường A, thành phố H.

3.4. Anh Ngô Quốc Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: nay là phường A, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H, anh Đ: Bà Ngô Thị Thu H1, sinh năm 1975; địa chỉ: số G H, phường P, thành phố H, có mặt tại phiên toà.

3.5. Bà Ngô Thị T2, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn N, phường Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên toà.

3.6. Bà Ngô Thị Thu H1, sinh năm 1975; địa chỉ: số G H, phường P, thành phố H, có mặt tại phiên toà.

3.7. Chị Ngô Thị Hà G, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn N, phường Q, tỉnh Quảng Trị.

3.8. Anh Ngô Quốc T3, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn N, phường Q, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của chị G, anh T3: Bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1977; địa chỉ: Đ, phường Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên toà.

3.9. Bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1977; địa chỉ: Đ, phường Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên toà.

Người kháng cáo: nguyên đơn ông Ngô Quốc T; bị đơn ông Ngô Quốc T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị V, bà Ngô Thị T2, bà Ngô Thị Thu H1, ông Ngô Quốc H và ông Ngô Quốc Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung Đơn khởi kiện, nội dung trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn thể hiện:

Cha mẹ ông Ngô Quốc T là cụ Ngô T4 (sinh năm 1947, chết năm 1975) và cụ Đinh Thị D1 (sinh năm 1940, chết năm 1996) sinh được 06 người con gồm: Ngô Thị V (sinh năm 1964), Ngô Quốc T5 (sinh năm 1965, chết năm 2007), Ngô Quốc T1 (sinh năm 1967), Ngô Thị T2 (sinh năm 1969), Ngô Thị Thu H1 (sinh năm 1975) và Ngô Quốc T (sinh năm 1973).

Trong quá trình sinh sống tại địa phương, cha mẹ ông T khai hoang được 07 thửa đất gồm: thửa đất số 1604+1605, tờ bản đồ số 17; thửa đất số 364, tờ bản đồ số 17 và 05 thửa đất trồng lúa gồm thửa đất số 33, 55, 57, tờ bản đồ số 17; thửa đất số 1587, tờ bản đồ số 17; thửa đất số 77+78, tờ bản đồ số 28.

Năm 1996, cụ D1 mất (không để lại di chúc). Theo quy định của pháp luật, quyền sử dụng các thửa đất trên là di sản thừa kế mà cha mẹ ông T để lại. 06 anh

chị em ông T là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với phần di sản đó.

Năm 2006 và năm 2013, ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1 tự ý làm thủ tục để được Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện H và UBND thị xã Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên "*hộ ông* Ngô Quốc T1 *và bà* Nguyễn Thị Thanh N1" đối với các thửa đất là di sản thừa kế của cha mẹ ông T. Việc UBND huyện H và UBND thị xã Q cấp GCNQSDĐ đối với các thửa đất chưa được phân chia là trái quy định pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông T cùng các đồng thừa kế khác.

Vì vậy, ông Ngô Quốc T làm Đơn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị yêu cầu giải quyết:

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với các tài sản là di sản do cụ Đinh Thị D1 để lại cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Ngô Thị V, ông Ngô Quốc T5 (đã chết), ông Ngô Quốc T1, ông Ngô Quốc T, bà Ngô Thị T2 và bà Ngô Thị Thu H1, bao gồm:

+ Quyền sử dụng thửa đất số 33, tờ bản đồ số 17, diện tích 215m²; địa chỉ: C, thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị;

+ Quyền sử dụng thửa đất số 55, tờ bản đồ số 17, diện tích 232m²; địa chỉ: C, thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị;

+ Quyền sử dụng thửa đất số 57, tờ bản đồ số 17, diện tích 230m²; địa chỉ: C, thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị;

+ Quyền sử dụng thửa đất số 77+78, tờ bản đồ số 28, diện tích 379m²; địa chỉ: X, thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị;

+ Quyền sử dụng thửa đất số 1587, tờ bản đồ số 17, diện tích 356m²; địa chỉ: Đ, thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị;

+ Nhà và quyền sử dụng thửa đất số 364, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.389m²; địa chỉ: Đ, thôn N, xã H, thị xã Q;

+ Quyền sử dụng thửa đất số 1604+1605, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.880m²; địa chỉ: thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp không đúng quy định pháp luật, cụ thể:

+ Giấy chứng nhận số AH 074413, AH 074414, AH 074415, AH 074416, AH 074417, AG 471648 đều do UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 20/11/2006 cho hộ ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1;

+ Giấy chứng nhận số BH 736710 do UBND thị xã Q, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 24/6/2013 cho ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1.

2. Tại văn bản trình bày ý kiến, bị đơn ông Ngô Quốc T1 trình bày:

Ông Ngô Quốc T1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, chấp nhận chia đều các tài sản là di sản thừa kế do cụ Đinh Thị D1 để lại có tổng giá trị

466.470.000 đồng cho các đồng thừa kế gồm: Bà Ngô Thị V, ông Ngô Quốc T5 (đã chết), bà Ngô Thị T2, ông Ngô Quốc T, bà Ngô Thị Thu H1 và ông Ngô Quốc T1.

Ông Ngô Quốc T1 cũng đề nghị hủy các GCNQSDĐ số AH 074413, AH 074414, AH 074415, AH 074416, AH 074417, AG 471648 do UBND huyện H cấp ngày 20/11/2006 cho hộ ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1 và GCNQSDĐ số BH 736710 do UBND thị xã Q cấp ngày 24/6/2013 cho ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Ngô Thị V, bà Ngô Thị T2, bà Ngô Thị Thu H1, anh Ngô Quốc H và anh Ngô Quốc Đ trình bày: thống nhất với nội dung Đơn khởi kiện của ông Ngô Quốc T.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh N1, trình bày:

Về việc ông Ngô Quốc T khai có ngôi nhà cũ của mẹ ông để lại trị giá 150.000.000 đồng, bà N1 khẳng định trên đất không có ngôi nhà cũ nào của cụ Đinh Thị D1 để lại; trên mảnh đất này ông T1 và bà N1 đã xây dựng nhà kiên cố, sinh sống gần 30 năm với diện tích 327m², giá trị 1.774.000.000 đồng.

Về việc phân chia di sản thừa kế cho các anh em ông T, bà N1 không đồng ý, vì cho rằng Nhà nước đã cấp đất hợp pháp cho hộ ông T1 và bà N1, họ sử dụng liên tục, đóng thuế đầy đủ, trong khi các anh em ông T không sinh sống, không có tên trong hộ khẩu tại thời điểm cấp đất.

Bà N1 yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn gồm:

- Thửa đất thứ nhất: GCNQSDĐ số AG 471648, thửa đất số 364, tờ bản đồ số 17 được Nhà nước cấp năm 2006, diện tích 1.389m²; địa chỉ: Đ, thôn N, xã H, thị xã Q; trị giá 80.000.000 đồng; trên đất có nhà ở diện tích 327m². Yêu cầu chia nhà và sân thành 02 phần:

+ Phần 1 (ông Ngô Quốc T1): diện tích nhà trên là 207m² (tầng trệt 9×13=126m², gác lửng 9×5=45m², sân thượng 4×9=36m²), nhà kiên cố xây dựng năm 2017, trị giá 1.507.000.000 đồng; sân diện tích 132m² (60.000.000 đồng), tường rào 50m² (50.000.000 đồng), cổng (20.000.000 đồng). Tổng giá trị nhà, đất, sân, cổng, tường: 1.657.000.000 đồng.

+ Phần 2 (bà Nguyễn Thị Thanh N1): nhà dưới 120m² (xây năm 2024, trị giá 157.000.000 đồng), sân 108m² (30.000.000 đồng). Tổng toàn bộ diện tích đất có nhà ở trên đất là 347m² (20.000.000 đồng); giá trị đất, nhà, sân: 207.000.000 đồng.

Ông Ngô Quốc T1 phải thanh toán chênh lệch 725.000.000 đồng cho bà N1.

Bà N1 đề nghị chia diện tích 347m² đất (trị giá 20.000.000 đồng) cho con gái Ngô Thị Hà G và 347m² đất (trị giá 20.000.000 đồng) cho con trai Ngô Quốc

T3, vì tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận, cả hai đều có tên trong hộ khẩu hộ gia đình.

- Thửa đất thứ hai: GCNQSDĐ số BH 736710, thửa đất số 1604, 1605, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.880m² do UBND thị xã Q cấp năm 2013 cho ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1. Trong đó:

+ Thửa 1604 trị giá 20.000.000 đồng, trên đất có nhà 10m², sân, đường trị giá 20.000.000 đồng, giao cho ông T1 sử dụng, ông T1 phải thanh toán chênh lệch 10.000.000 đồng cho bà N1.

+ Thửa 1605 trị giá 8.000.000 đồng, giao cho bà N1 sử dụng.

- Các thửa đất còn lại, bà N1 không yêu cầu chia và đề nghị giao cho ông Ngô Quốc T1 toàn quyền sử dụng, gồm:

Thửa đất số 33 (215m²), 55 (232m²), 57 (230m²), 77+78 (279m²), 1587 (356m²) - đều là đất ruộng tại thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Quốc T3 và chị Ngô Thị Hà G trình bày: thống nhất ý kiến với mẹ là bà Nguyễn Thị Thanh N1.

6. UBND thị xã Q trình bày:

+ Thửa đất số 364, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.389,0m² theo GCNQSDĐ số AG 471648 do UBND huyện H cấp ngày 20/11/2006, trong đó: đất ở nông thôn 200,0m²; đất trồng cây lâu năm 1.189,0m²; nguồn gốc được giao theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 10/6/1998.

+ Thửa đất số 1604, 1605, tờ bản đồ số 17, tổng diện tích 1.880,0m² theo GCNQSDĐ số BH 736710 do UBND thị xã Q cấp ngày 24/6/2013, mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác, thời hạn sử dụng đến tháng 6/2063; nguồn gốc do cha mẹ khai hoang năm 1975 được UBND xã H xác nhận tại Đơn đề nghị cấp giấy ngày 19/2/2013.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 13/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 5, 9 Điều 26; Điều 28; Điều 34; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 649, 650, 651, 652, 660; khoản 2 Điều 651; Điều 658 Bộ luật Dân sự. Điều 33; 59 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Khoản 4; Điều 50 Điều 203 Luật Đất đai năm 2003. Điều 45 Luật Đất đai năm 2024. Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Quốc T về việc chia di sản thừa kế:

- Chia di sản thừa kế của cụ Đinh Thị D1 để lại là 200m² đất ONT tại thửa đất số 364, tờ bản đồ số 17 theo GCNQSDĐ số AG 471648 được UBND huyện H cấp ngày 20/11/2006 cho 06 người thuộc hàng thứ nhất và 01 kỷ phần cho

công sức quản lý di sản thừa kế cho ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1 mỗi người được hưởng như sau:

Bà Ngô Thị V, sinh năm 1964; ông Ngô Quốc T1, sinh năm 1967; bà Ngô Thị T2, sinh năm 1969; bà Ngô Thị Thu H1, sinh năm 1975 và ông Ngô Quốc T được hưởng 37.142.857 đồng/người. Anh Ngô Quốc H và Ngô Quốc Đ (thừa kế thế vị của ông Ngô Quốc T5) được hưởng 18.571.428 đồng/người.

Bà Nguyễn Thị Thanh N1 và ông Ngô Quốc T1 được hưởng tổng số tiền 37.142.857 đồng.

Ông Ngô Quốc T1 không phải thanh toán phần giá trị cho bà Ngô Thị V, bà Ngô Thị T2, bà Ngô Thị Thu H1, ông Ngô Quốc T, anh Ngô Quốc H và Ngô Quốc Đ. Ông Ngô Quốc T1 được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 200m^2 đất ONT tại thửa đất số 364, tờ bản đồ số 17 theo GCNQSDĐ số AG 471648 được UBND huyện H cấp ngày 20/11/2006.

Ông Ngô Quốc T1 phải thanh toán phần giá trị cho bà Nguyễn Thị Thanh N1 số tiền là 18.571.428 đồng.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Quốc T về việc hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

GCNQSDĐ số AH 074413 ngày 20/11/2006 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp cho hộ ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1;

GCNQSDĐ số AH 074414 ngày 20/11/2006 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp cho hộ ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1;

GCNQSDĐ số AH 074415 ngày 20/11/2006 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp cho hộ ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1;

GCNQSDĐ số AH 074416 ngày 20/11/2006 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp cho hộ ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1;

GCNQSDĐ số AH 074417 ngày 20/11/2006 do UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp cho hộ ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1;

GCNQSDĐ số BH 736710 ngày 24/06/2013 do UBND thị xã Q, tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1.

GCNQSDĐ số AG 471648 được UBND huyện H cấp ngày 20/11/2006 cho ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1.

1.3. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh N1 về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn:

- Chia tài sản gắn liền trên thửa đất số 364, tờ bản đồ số 17 theo GCNQSDĐ số AG 471648 được UBND huyện H cấp ngày 20/11/2006 cho ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1 với số tiền 412.582.947 đồng/người. Ông Ngô Quốc T1 được quyền sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền trên thửa đất số 364, tờ bản đồ số 17 theo GCNQSDĐ số AG 471648 được UBND huyện H cấp

ngày 20/11/2006. Ông Ngô Quốc T1 có nghĩa vụ hoàn trả vụ giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị Thanh N1 là 412.582.947 đồng.

- Chia tài sản chung là thửa đất số 1604, tờ bản đồ số 17, diện tích 755m^2 cho bà Nguyễn Thị Thanh N1.

- Chia tài sản chung là thửa đất số 1605, tờ bản đồ số 17, diện tích 1125m^2 cho ông Ngô Quốc T1.

Ông Ngô Quốc T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền chênh lệnh cho bà Nguyễn Thị Thanh N1 là 7.492.500 đồng.

Ông Ngô Quốc T1 phải thanh toán tổng số tiền giá trị chênh lệch cho bà Nguyễn Thị Thanh N1 số tiền 7.492.500 đồng + 412.582.947 đồng + 18.571.428 đồng = 438.646.875 đồng.

Ông Ngô Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thanh N1 có quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật.

1.4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Quốc T về việc chia di sản thừa kế và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh N1 về việc chia tài sản chung đối với các thửa đất:

+ Diện tích 1189,0 m^2 cây lâu năm tại thửa đất số 364, tờ bản đồ số 17 theo GCNQSDĐ số AG 471648 được UBND huyện H cấp ngày 20/11/2006.

+ Quyền sử dụng thửa đất số 33, tờ bản đồ số 17 diện tích 215m^2; địa chỉ: Của N, thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị;

+ Quyền sử dụng thửa đất số 55, tờ bản đồ số 17, diện tích 232m^2; địa chỉ: C, thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị;

+ Quyền sử dụng thửa đất số 57, tờ bản đồ số 17, diện tích 230m^2; địa chỉ: Của N, thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị;

+ Quyền sử dụng thửa đất số 77 +78, tờ bản đồ số 28, diện tích 379m^2; địa chỉ: X, thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị;

+ Quyền sử dụng thửa đất số 1587, tờ bản đồ số 17, diện tích 356m^2; địa chỉ: Đ, thôn N, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị;

1.5. Đình chỉ xét xử vụ án đối với yêu cầu chia tài sản là lối đi vào và nhà thờ trên thửa đất số 1604 +1605, tờ bản đồ số 17, diện tích 1880,0m^2; địa chỉ: thôn N, xã H, Tx Q, tỉnh Quảng Trị.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 24 và 26/6/2025, nguyên đơn ông Ngô Quốc T; bị đơn ông Ngô Quốc T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị V, bà Ngô Thị T2, bà Ngô Thị Thu H1, ông Ngô Quốc H và ông Ngô Quốc Đ kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày giữ nguyên Đơn khởi kiện và Đơn kháng cáo; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư *Ngô Lê Khánh N* trình bày: thửa 364, tờ bản đồ số 17 là do cụ *D1* kê khai, Tòa án cấp sơ thẩm xác định 200m^2 đất ở trong thửa đất này là di sản thừa kế của cụ *D1* nhưng lại không tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là mâu thuẫn và không thi hành án được. Bà *N1* và ông *T1* không phải là vợ chồng, nên không thể xem xét là tài sản chung của hai người. Đối với thửa đất số 1604 -1605 là do cụ *D1* để lại, nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định nguồn gốc các thửa đất này là di sản của cụ *D1* để lại chưa chia. Đồng thời, hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BH 736710 đã được *UBND thị xã Q* cấp ngày 24/6/2013. Đối với 05 thửa đất nông nghiệp, yêu cầu chia đều cho các anh chị em. Trên cơ sở phân tích, bà đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng xác định 07 thửa đất là do cụ *D1* để lại, hủy toàn bộ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xác định tài sản trên đất của thửa đất số 364, tờ bản đồ số 17 là di sản thừa kế của cụ *D1* để lại, không phải là tài sản chung của ông *T1* và bà *N1*, chỉ xem xét công sức bảo quản của bà *N1* đối với tài sản trên đất. Đồng thời, xác định lại giá trị tài sản trên đất do giá trị định giá quá cao so với thực tế; công nhận việc được tiếp tục sử dụng đất của ông *Ngô Quốc T1*, không phải làm thủ tục gia hạn. Ông *T* thống nhất không bổ sung gì thêm.

Ông Ngô Quốc T1 trình bày: đề nghị huỷ tất cả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Ngô Thị V, bà Ngô Thị T2, bà Ngô Thị Thu H1 trình bày: đề nghị huỷ tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định đó là tài sản của gia đình, chỉ xem xét công sức cho bà N1.

Bà Nguyễn Thị Thanh N1 trình bày: bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án, đến trước thời điểm nghị án là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông *Ngô Quốc T*, ông *Ngô Quốc T1*, bà *Ngô Thị V*, bà *Ngô Thị T2*, bà *Ngô Thị Thu H1*, ông *Ngô Quốc H* và ông *Ngô Quốc Đ* là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "… *Chia tài sản chung sau ly hôn*…" theo yêu cầu độc lập của bà N1 là không đúng, vì bà N1 và ông T1 không phải là vợ chồng. Từ xác định sai quan hệ hôn nhân

nên Toà án cấp sơ thẩm xác định tài sản gắn liền thửa đất số 364 và các thửa đất số 1604, 1605 là tài sản chung sau ly hôn để chia là không đúng. Có đủ cơ sở pháp lý xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp theo khởi kiện của nguyên đơn là di sản của các cụ Ngô T6, Đinh Thị D1 để lại chưa chia. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với các thửa đất nông nghiệp với lý do đã hết thời hạn sử dụng đất là sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, vi phạm quy định tại Điều 126 và 210 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 74 Nghị định 43/2014 của Chính phủ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 và 26/6/2025, ông Ngô Quốc T, ông Ngô Quốc T1, bà Ngô Thị V, bà Ngô Thị T2, bà Ngô Thị Thu H1, ông Ngô Quốc H và ông Ngô Quốc Đ kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Như vậy, kháng cáo của các ông, bà là trong thời hạn luật định.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[2.1] Bản án số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 26/9/2024 của Toà án nhân dân thị xã Quảng Trị "*V/v không công nhận quan hệ vợ chồng*" đã quyết định: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh N1 và ông Ngô Quốc T1. Tuy nhiên, trong vụ án này Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "… *Chia tài sản chung sau ly hôn*…" theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh N1 là không đúng, vì bà Nguyễn Thị Thanh N1 và ông Ngô Quốc T1 không phải là vợ chồng. Từ việc xác định sai quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh N1 và ông Ngô Quốc T1, nên việc nhận định, xác định và giải quyết về tài sản tranh chấp chưa chính xác.

[2.2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Công văn số 132/UBND-ĐC ngày 19/6/2024 của UBND xã H về việc sao lục hồ sơ công dân Ngô Quốc T có nội dung: Hồ sơ 299 của các thửa đất 364, 1604, 1605, tờ bản đồ số 17 thể hiện tại sổ đăng ký ruộng đất tên bà Đinh Thị D1 đội 2 M, tại thửa đất số 720, tờ bản đồ số 9, nhưng hiện tại UBND xã không lưu bản đồ 299. Diện tích đất có trong sổ đăng ký ruộng đất 3.440m^2, trong đó 700m^2 đất ở và 2.740m^2 đất trồng cây. Diện tích đất này cơ bản đúng với tổng diện tích tại các thửa đất số 1603, 1604, 1605, 325, tờ bản đồ số 17 (các thửa đất số 1603, 1604, 1605, 325 là đất vườn cư cũ mà gia đình bà Đinh Thị D1 sử dụng làm nhà ở) năm 2013 ông Ngô Quốc T1, bà Nguyễn Thị Thanh N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 2 thửa 1604, 1605. Đồng thời,

căn cứ vào tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp theo khởi kiện của nguyên đơn là di sản của các cụ Ngô T6, Đinh Thị D1 để lại chưa chia.

[2.3] Đối với diện tích 1.189,0m^2 đất CLN của thửa đất số 346, tờ bản đồ số 17 theo GCNQSDĐ số AG 471648 do UBND huyện H cấp ngày 20/11/2006 và các thửa đất số 33, diện tích 215m^2; thửa đất số 55, diện tích 232m^2; thửa đất số 57, diện tích 230m^2; thửa đất số 77 + 78, diện tích 279m^2; thửa đất số 1587, diện tích 356m^2 loại đất ruộng đã được Toà án cấp sơ thẩm phân tích với nhận định: thời hạn sử dụng đất đến 12/2015, chưa được người sử dụng đất gia hạn quyền sử dụng đất nên quyền sử dụng đất đang thuộc quyền quản lý của Nhà nước, chưa đủ điều kiện chia thừa kế và chia tài sản chung của ông T1, bà N1. Từ đó, Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận chia thừa kế là sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, không thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ - khi hết thời hạn sử dụng đất thì được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 126; khoản 3 Điều 210 Luật Đất đai 2013 mà không phải làm thủ tục điều chỉnh thời hạn sử dụng đất. Hơn nữa, việc gia hạn thời hạn sử dụng đất chỉ là thủ tục hành chính và được thực hiện theo quy định của pháp luật. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế đối với di sản này là không giải quyết triệt để các nội dung yêu cầu của đương sự.

[3] Với những nội dung được phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng tại phiên toà phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Hơn nữa, để đảm bảo quyền được chứng minh, trình bày, cung cấp chứng cứ khi giải quyết lại vụ án cũng như quyền được kháng cáo. Do đó, cần huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: ông Ngô Quốc T, ông Ngô Quốc T1, bà Ngô Thị V, bà Ngô Thị T2, bà Ngô Thị Thu H1, ông Ngô Quốc H và ông Ngô Quốc Đ không phải chịu.

[5] Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được xem xét quyết định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 13/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Ngô Quốc T, ông Ngô Quốc T1, bà Ngô Thị V, bà Ngô Thị T2, bà Ngô Thị Thu H1, ông Ngô Quốc H và ông Ngô Quốc Đ không phải chịu. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho các ông bà Ngô Quốc T, Ngô Quốc T1, Ngô Thị V, Ngô Thị T2, Ngô Thị Thu H1, Ngô Quốc H, Ngô Quốc Đ theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005504, 0005505, 0005506, 0005507, 0005508, 0005509, 0005510 cùng ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được xem xét quyết định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên**

Võ Thị Ngọc Dung **Lê Văn Thường** **Trần Quốc Cường**